

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06 /2016/QĐ-UBND

Đắk Lắk, ngày 22 tháng 02 năm 2016

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Quy định chi tiết thực hiện Nghị quyết số 143/2014/NQ-HĐND, ngày 23/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về chính sách hỗ trợ đào tạo sau đại học; điều động, luân chuyển đối với cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Đắk Lắk

CÔNG VĂN HIỆN Số: 220
Ngày 25 tháng 2 năm 2016

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

Căn cứ Luật tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Cán bộ, công chức ngày 13/11/2008;

Căn cứ Luật Viên chức ngày 15 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05/3/2010 của Chính phủ về đào tạo bồi dưỡng công chức;

Căn cứ Nghị định số 24/2010/NĐ-CP ngày 15/3/2010 của Chính phủ về tuyển dụng, sử dụng quản lý công chức;

Căn cứ Nghị định số 29/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ quy định về tuyển dụng, sử dụng và quản lý viên chức;

Căn cứ Thông tư số 03/2011/TT-BNV ngày 25/01/2011 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn thực hiện một số Điều của Nghị định số 18/2010/NĐ-CP ngày 05/3/2010 của Chính phủ về đào tạo bồi dưỡng công chức;

Căn cứ Nghị quyết số 143/2014/NQ-HĐND ngày 13/12/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chính sách hỗ trợ đào tạo sau đại học; điều động, luân chuyển đối với cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh Đắk Lắk;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 616/TTr-SNV, ngày 12/11/2015,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quyết định này quy định chi tiết về đối tượng, điều kiện hỗ trợ, trình tự, thủ tục thanh toán hỗ trợ đào tạo sau đại học; điều động, luân chuyển cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh tại Nghị quyết số 143/2014/NQ-

HĐND và trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị có liên quan trong triển khai thực hiện.

2. Đối tượng áp dụng:

a) Quyết định này áp dụng đối với cán bộ, công chức, viên chức quy định tại Điểm a, Khoản 1, Mục I; Khoản 1, Mục II; Khoản 1, Mục III, Điều 1 Nghị quyết 143/2014/NQ-HĐND, bao gồm:

- Cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, tổ chức, đơn vị sự nghiệp của Đảng, Nhà nước, tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã (sau đây gọi chung là cơ quan, đơn vị).

- Lãnh đạo, quản lý các Doanh nghiệp Nhà nước thuộc tỉnh; Người được cử làm đại diện chủ sở hữu phần vốn Nhà nước tại doanh nghiệp có vốn góp của Nhà nước (sau đây là gọi chung là Lãnh đạo, quản lý doanh nghiệp).

- Các cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức và các cơ quan, đơn vị, cá nhân liên quan đến việc hỗ trợ đào tạo sau đại học; điều động, luân chuyển cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk.

b) Cán bộ, công chức, viên chức được cử đi đào tạo trước khi Nghị quyết số 143/2014/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành, nhưng sau khi Nghị quyết này có hiệu lực vẫn đang trong thời gian đào tạo hoặc chờ nhận bằng, nếu đủ các điều kiện theo quy định của Nghị quyết này thì được hưởng chính sách hỗ trợ đào tạo sau đại học.

c) Cán bộ, công chức, viên chức được cấp có thẩm quyền quyết định điều động, luân chuyển trước khi Nghị quyết số 143/2014/NQ-HĐND có hiệu lực thi hành, nhưng sau khi Nghị quyết này có hiệu lực vẫn đang trong thời gian điều động, luân chuyển, nếu đủ các điều kiện theo quy định của Nghị quyết này thì được hưởng chính sách hỗ trợ, ưu đãi hàng tháng kể từ ngày Nghị quyết này có hiệu lực thi hành (không được truy lĩnh đối với thời gian Nghị quyết này chưa có hiệu lực thi hành).

Điều 2. Xử lý trách nhiệm

1. Cán bộ, công chức, viên chức khi vi phạm cam kết và điều kiện hỗ trợ thì phải có trách nhiệm bồi thường, hoàn trả theo quy định tại Khoản 4, Mục I, Điều 1 Nghị quyết số 143/2014/NQ-HĐND. Nếu không bồi thường, hoàn trả thì bị xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức có trách nhiệm thu hồi kinh phí bồi thường chi phí đào tạo và kinh phí hỗ trợ để nộp vào ngân sách nhà nước theo quy định hiện hành của pháp luật.

Điều 3. Nguồn kinh phí thực hiện

1. Từ nguồn ngân sách tỉnh, được bố trí trong dự toán ngân sách hàng năm của cơ quan, đơn vị. Riêng chính sách hỗ trợ đào tạo sau đại học đối với lãnh đạo, quản lý các doanh nghiệp nhà nước thì do kinh phí của doanh nghiệp tự chi trả.

2. Hàng năm vào thời điểm xây dựng dự toán ngân sách nhà nước, các cơ quan, đơn vị, địa phương có trách nhiệm lập kế hoạch và nhu cầu kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo sau đại học, điều động, luân chuyển gửi về Sở Tài chính tổng hợp và phối hợp cùng với Sở Nội vụ trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

3. Việc quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo sau đại học, điều động, luân chuyển theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 4. Chính sách hỗ trợ đào tạo sau đại học

1. Điều kiện hỗ trợ đào tạo sau đại học theo quy định tại Khoản 2, Mục I, Điều 1 Nghị quyết số 143/2014/NQ-HĐND, cụ thể như sau:

a) Được cấp có thẩm quyền cử đi đào tạo sau đại học tại các cơ sở đào tạo trong nước để nâng cao trình độ chuyên môn phục vụ cho vị trí đang đảm nhận hoặc đã quy hoạch.

b) Khi học đại học phải là đại học chính quy và chuyên ngành học sau đại học phải cùng chuyên ngành đã học đại học.

c) Tuổi đời không quá 40 tuổi quy định tại Điểm a, Khoản 2, Mục I, Điều 1 Nghị quyết số 143/2014/NQ-HĐND áp dụng đối với các trường hợp được cử đi đào tạo sau đại học lần đầu, bao gồm: Thạc sỹ, Bác sỹ nội trú, Bác sỹ chuyên khoa cấp I, Dược sỹ chuyên khoa cấp I...(không áp dụng đối với các trường hợp được cử đi đào tạo sau Đại học từ lần thứ hai).

d) Đảm bảo sau khi hoàn thành chương trình đào tạo phải có thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị ít nhất gấp 03 lần thời gian đào tạo đối với cán bộ, công chức và gấp 02 lần đối với viên chức.

e) Đối với Thạc sỹ, kết quả bảo vệ luận văn theo điều kiện quy định tại Điểm c, Khoản 2, Mục I, Điều 1 Nghị quyết số 143/2014/NQ-HĐND, là phải đạt từ 8 điểm trở lên.

2. Mức hỗ trợ theo quy định tại Khoản 3, Mục I, Điều 1 Nghị quyết số 143/2014/NQ-HĐND, được tính theo mức lương cơ sở tại thời điểm thực hiện việc hỗ trợ.

3. Thời điểm, phương thức thực hiện việc hỗ trợ: Thanh toán một lần sau khi nhận bằng tốt nghiệp và hoàn chỉnh đầy đủ hồ sơ, thủ tục theo quy định.

4. Trách nhiệm chi trả: Việc chi trả chính sách hỗ trợ đào tạo do cơ quan đang trực tiếp quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức chịu trách nhiệm thực hiện.

Điều 5. Chính sách điều động

1. Điều kiện hỗ trợ, ưu đãi điều động theo quy định tại Khoản 2, Khoản 3, Mục II, Điều 1 Nghị quyết số 143/2014/NQ-HĐND.

2. Mức hỗ trợ, ưu đãi theo quy định tại Khoản 3, Mục II, Điều 1 Nghị quyết số 143/2014/NQ-HĐND, được tính theo mức lương cơ sở tại thời điểm thực hiện việc hỗ trợ, ưu đãi;

3. Thời điểm và phương thức thực hiện việc hỗ trợ, ưu đãi:

a) Đối với hỗ trợ tiền một lần: Thanh toán ngay sau khi có quyết định của cấp có thẩm quyền điều động đến đơn vị mới và hoàn chỉnh đầy đủ hồ sơ, thủ tục.

b) Đối với hỗ trợ, ưu đãi hàng tháng: Thanh toán vào tiền lương hàng tháng của từng cá nhân.

4. Trách nhiệm chi trả: Cơ quan, đơn vị đang trực tiếp quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức nơi được các cấp có thẩm quyền điều động đến chịu trách nhiệm chi trả các khoản hỗ trợ, ưu đãi theo quy định.

Điều 6. Chính sách luân chuyển

1. Điều kiện hỗ trợ, ưu đãi luân chuyển theo quy định tại Khoản 2, Mục III, Điều 1 Nghị quyết số 143/2014/NQ-HĐND.

2. Mức hỗ trợ, ưu đãi theo quy định tại Khoản 3, Mục III, Điều 1 Nghị quyết số 143/2014/NQ-HĐND, được tính theo mức lương cơ sở tại thời điểm thực hiện việc hỗ trợ, ưu đãi.

3. Thời điểm và phương thức thực hiện việc hỗ trợ, ưu đãi:

a) Đối với hỗ trợ tiền một lần: Thanh toán ngay sau khi có quyết định của cấp có thẩm quyền luân chuyển đến đơn vị mới và hoàn chỉnh đầy đủ hồ sơ, thủ tục.

b) Đối với hỗ trợ, ưu đãi hàng tháng: Thanh toán vào tiền lương hàng tháng của từng cá nhân.

4. Trách nhiệm chi trả: Cơ quan, đơn vị đang trực tiếp quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức nơi được các cấp có thẩm quyền luân chuyển đến chịu trách nhiệm chi trả các khoản hỗ trợ, ưu đãi theo quy định này.

Điều 7. Trình tự, thủ tục thanh toán chính sách đào tạo sau đại học

1. Trình tự, thủ tục:

a) Cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục theo Khoản 2, Điều này gửi đến Sở Nội vụ.

b) Sở Nội vụ tổng hợp và phối hợp với Sở Tài chính tiến hành thẩm định.

c) Sở Nội vụ hoàn thiện hồ sơ, thủ tục trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.

d) Sau khi có kết quả phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan, đơn vị có thẩm quyền thực hiện việc chi trả chính sách hỗ trợ sau đại học cho cán bộ công chức, viên chức theo quy định.

2. Hồ sơ gửi Sở Nội vụ bao gồm (01 bộ):

- a) Văn bản đề nghị, danh sách và dự toán kinh phí của cơ quan, đơn vị.
- b) Bản sao bằng tốt nghiệp Đại học.
- c) Bản sao bằng tốt nghiệp sau đại học và bảng điểm toàn khóa học, bảng điểm bảo vệ luận văn (hoặc các loại bằng điểm khác).
- d) Bản cam kết về thời gian công tác tại cơ quan, đơn vị theo quy định.
- e) Quyết định cử đi đào tạo của cấp có thẩm quyền.

3. Thời gian giải quyết: Không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nội vụ nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Điều 8. Trình tự, thủ tục thanh toán chính sách điều động, luân chuyển

1. Trình tự, thủ tục:

- a) Cơ quan, đơn vị trực tiếp quản lý, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức hoàn chỉnh hồ sơ, thủ tục theo Khoản 2, Điều này gửi đến Sở Nội vụ để thẩm định.
- b) Sở Nội vụ tổng hợp và phối hợp với Sở Tài chính tiến hành thẩm định.
- c) Sở Nội vụ hoàn thiện hồ sơ, thủ tục trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt.
- d) Sau khi có kết quả phê duyệt của Ủy ban nhân dân tỉnh, các cơ quan, đơn vị đang trực tiếp quản lý, sử dụng cán bộ công chức, viên chức thực hiện việc chi trả chính sách cho cán bộ, công chức, viên chức.

2. Hồ sơ gửi Sở Nội vụ (01 bộ), bao gồm:

- a) Văn bản, danh sách đề nghị chi trả chế độ chính sách điều động, luân chuyển của cơ quan có cán bộ, công chức, viên chức nơi được điều động, luân chuyển đến làm việc.
- b) Bản sao Quyết định điều động, luân chuyển của cấp có thẩm quyền.

3. Thời gian giải quyết: Không quá 15 ngày làm việc, kể từ ngày Sở Nội vụ nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

Điều 9. Trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị

1. Thực hiện nghiêm túc công tác quản lý, sử dụng, đào tạo, điều động, luân chuyển cán bộ, công chức, viên chức theo đúng quy định của pháp luật.

2. Thực hiện đầy đủ chính sách đào tạo sau đại học; điều động, luân chuyển đối với cán bộ, công chức, viên chức theo đúng quy định của Nghị quyết số 143/2014/NQ-HĐND và Quyết định này.

3. Quản lý kinh phí, chi trả hỗ trợ và thanh quyết toán kinh phí thực hiện chính sách đào tạo sau đại học; điều động, luân chuyển theo quy định tài chính hiện hành.

4. Xử lý hoặc đề nghị cấp có thẩm quyền xử lý kịp thời cán bộ, công chức, viên chức được hưởng chính sách nhưng vi phạm cam kết.

5. Định kỳ hàng năm báo cáo kết quả triển khai thực hiện chính sách theo Nghị quyết số 143/2014/NQ-HĐND về Sở Nội vụ để theo dõi, tổng hợp và báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 10. Trách nhiệm của Sở Nội vụ

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh trong việc tổ chức triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo sau đại học; điều động, luân chuyển đối với cán bộ, công chức, viên chức; tổng hợp nhu cầu và báo cáo kết quả đào tạo sau đại học, điều động, luân chuyển đối với cán bộ, công chức, viên chức hàng năm trong phạm vi toàn tỉnh để trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét quyết định.

2. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh về công tác đào tạo sau đại học, điều động, luân chuyển đối với cán bộ, công chức, viên chức hàng năm phù hợp với yêu cầu thực tế của tỉnh.

3. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch đào tạo sau đại học; điều động, luân chuyển đối với cán bộ, công chức, viên chức hàng năm.

4. Phối hợp với Sở Tài chính và các đơn vị liên quan kiểm tra, giám sát, tổng hợp báo cáo định kỳ kết quả thực hiện chính sách hỗ trợ đào tạo sau đại học; điều động, luân chuyển của tỉnh.

5. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính thẩm định hồ sơ trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt đối với các trường hợp đủ điều kiện được hưởng chính sách theo Nghị quyết số 143/2014/NQ-HĐND.

6. Phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy triển khai thực hiện trong các cơ quan, đơn vị khối Đảng, Mặt trận, Tổ chức chính trị - xã hội về chính sách hỗ trợ, ưu đãi đào tạo sau đại học; điều động, luân chuyển theo quy định tại Nghị quyết số 143/2014/NQ-HĐND và Quyết định này.

7. Phối hợp với Ban Tổ chức Tỉnh ủy thực hiện việc tiếp nhận và thẩm định hồ sơ của các đối tượng được hưởng chính sách hỗ trợ sau đại học; điều động, luân chuyển đối với cán bộ, công chức, viên chức của các cơ quan khối Đảng, Mặt trận, Tổ chức chính trị - xã hội.

Điều 11. Trách nhiệm của Sở Tài chính

1. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí, phân bổ và đảm bảo kinh phí thực hiện chính sách hàng năm cho các cơ quan, đơn vị.

2. Phối hợp với Sở Nội vụ thẩm định hồ sơ các đối tượng được hưởng chính sách theo quy định tại Nghị quyết số 143/2014/NQ-HĐND và Quyết định này.

3. Hướng dẫn cụ thể về trình tự thủ tục lập dự toán, cấp phát, thanh quyết toán kinh phí thực hiện chính sách bảo đảm thống nhất trong phạm vi toàn tỉnh.

Điều 12. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày kể từ ngày ký.

Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị của tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Chính phủ;
- Vụ Pháp chế - Bộ Nội vụ
- Cục kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBNDTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Ban Tổ chức Tỉnh ủy;
- LĐ UBND tỉnh;
- LĐ VP UBND tỉnh;
- Các Sở, Ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Thường trực các huyện ủy, thị ủy, thành ủy;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Các đơn vị sự nghiệp thuộc tỉnh;
- Các doanh nghiệp nhà nước thuộc tỉnh;
- Văn phòng: Tỉnh ủy, ĐDBQH, HĐND tỉnh;
- Công báo tỉnh, Công thông tin điện tử tỉnh;
- Báo Đắk Lắk;
- Lưu: VT, TH (nk_ 120b).

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Phạm Ngọc Nghị